

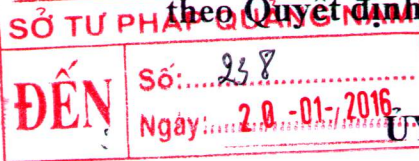
Số: 02 /2016/QĐ-UBND

Quảng Nam, ngày 15 tháng 01 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số Điều tại Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Nam ban hành kèm

theo Quyết định số 43/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 84/2013/NĐ-CP ngày 25/7/2013 của Chính phủ quy định về phát triển và quản lý nhà ở tái định cư;

Căn cứ Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 07/2014/TT-BXD ngày 20/5/2014 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn thi hành Nghị định số 84/2013/NĐ-CP ngày 25/7/2013 của Chính phủ quy định về phát triển và quản lý nhà ở tái định cư;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định chi tiết phương pháp định giá đất, xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất, định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định chi tiết bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 02/TTr-STNMT ngày 04/01/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và thời gian áp dụng

Quyết định này quy định việc sửa đổi, bổ sung một số Điều tại Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Nam ban hành kèm theo Quyết định số 43/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh và áp dụng kể từ ngày 01/01/2016.

Điều 2. Nội dung sửa đổi, bổ sung

1. Điều chỉnh tiêu đề Điều 11 và bổ sung khoản 7 Điều 11:

Tiêu đề: “Bồi thường về đất ở và đất vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở nhưng không được công nhận là đất ở khi Nhà nước thu hồi đất”.

7. Khi Nhà nước thu hồi đất vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở nhưng không được công nhận là đất ở theo quy định tại Khoản 6 Điều 103 Luật Đất đai, thì được bồi thường như sau:

Giá đất vườn, ao = Giá đất ở_{cụ thể} - 50%(Giá đất ở_{cụ thể} - Giá đất nông nghiệp_{cụ thể}).

2. Sửa đổi khoản 2 Điều 16:

2. Trường hợp người có đất thu hồi được bồi thường bằng tiền thì số tiền bồi thường phải trừ khoản tiền chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật về thu tiền sử dụng đất; thu tiền thuê đất, thuê mặt nước. Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng có trách nhiệm phối hợp với các tổ chức, đơn vị, Ban, ngành có liên quan xác định các khoản phải nộp và lập hồ sơ, khấu trừ số tiền này của người sử dụng đất nộp vào ngân sách Nhà nước theo đúng quy định trước khi chi trả tiền bồi thường.

3. Sửa đổi điểm a, khoản 1 Điều 23:

a) Mức hỗ trợ được xác định bằng giá đất nông nghiệp trong Bảng giá đất do UBND tỉnh công bố nhân với hệ số như sau:

Đất trồng lúa và đất làm muối: 3 (ba) lần; Đất nuôi trồng thủy sản: 2,5 (hai phẩy năm) lần; Đất trồng cây lâu năm và đất trồng cây hằng năm khác: 2 (hai) lần; Đất rừng sản xuất, đất nông nghiệp khác: 1,5 (một phẩy năm) lần.

4. Sửa đổi khoản 2 Điều 29:

2. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài tự lo chỗ ở thì ngoài việc được bồi thường về đất còn được nhận khoản tiền hỗ trợ tái định cư bằng 15% giá trị bồi thường đất ở.

5. Sửa đổi Điều 30:

1. Suất tái định cư tối thiểu được quy định bằng đất ở tương ứng với từng khu vực cụ thể như sau: Khu vực 1: 70 m²; Khu vực 2: 85 m²; Khu vực 3: 100 m².

2. Trường hợp dự án có xây dựng khu tái định cư thì giá đất để tính suất tái định cư tối thiểu được xác định bằng giá đất thấp nhất tại khu tái định cư đó.

3. Trường hợp dự án không xây dựng khu tái định cư tập trung hoặc các hộ gia đình, cá nhân không có nhu cầu vào khu tái định cư thì giá đất để tính suất tái định cư tối thiểu được xác định bằng giá đất thấp nhất tại khu tái định cư gần nhất trong cùng khu vực theo quy định tại khoản 4 Điều này.

4. Quy định về khu vực để áp dụng suất tái định cư tối thiểu như sau:

a) Khu vực I: Các phường thuộc thành phố Hội An, Tam Kỳ; phường Vĩnh Điện thuộc thị xã Điện Bàn; nội thị thị trấn thuộc các huyện: Đại Lộc, Duy Xuyên, Thăng Bình, Núi Thành, Quế Sơn, Tiên Phước, Hiệp Đức, Phú Ninh; các thửa đất có mặt tiếp giáp với trục giao thông chính liên xã, huyện lộ, tỉnh lộ,

quốc lộ; hoặc các thửa đất có mặt tiếp giáp với các trục giao thông chính đi vào các khu thương mại, khu du lịch, khu, cụm công nghiệp đã được hình thành thuộc các huyện, thị xã, thành phố nêu trên.

b) Khu vực II: Các xã, phường còn lại thuộc thị xã Điện Bàn; nội thị thị trấn thuộc các huyện: Bắc Trà My, Phước Sơn, Nam Giang và Đông Giang; trung tâm huyện lỵ: Nông Sơn, Nam Trà My và Tây Giang; các xã, ngoại thị trấn thuộc các huyện, thành phố: Đại Lộc, Duy Xuyên, Thăng Bình, Núi Thành, Quế Sơn, Hội An, Tam Kỳ và Phú Ninh (trừ xã Tam Lãnh); ngoại thị trấn các huyện Tiên Phước, Hiệp Đức.

c) Khu vực III: Các xã, ngoại thị trấn còn lại trừ khu vực I và khu vực II.

6. Sửa đổi khoản 3; bổ sung khoản 4, 5 và 6 Điều 31:

3. Giá đất tái định cư bình quân trong khu quy hoạch tập trung được xác định theo công thức: Tổng mức đầu tư xây dựng của dự án chia (:) diện tích đất để bố trí tái định cư và diện tích đất để làm mặt bằng sản xuất kinh doanh.

4. Giá đất tái định cư tại các vị trí xen cư được tính bằng tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ, san lấp mặt bằng (nếu có) chia (:) diện tích đất bố trí tái định cư hoặc tính theo giá đất ở liền kề (theo Bảng giá đất của UBND tỉnh công bố nhân với hệ số điều chỉnh giá đất).

5. Giá đất tái định cư được phân thành nhiều mức giá khác nhau tương ứng với từng vị trí do UBND tỉnh phê duyệt theo từng dự án tái định cư.

6. Giá đất tái định cư để hỗ trợ tiền sử dụng đất đối với lô thứ nhất theo quy định tại điểm c, d khoản 5 Điều 44, giao UBND cấp huyện chủ trì, phối hợp với Chủ đầu tư xem xét mức độ diện tích đất ở, vị trí của đất ở bị thu hồi; giá đất ở bồi thường để giao lại lô đất tái định cư phù hợp, đảm bảo minh bạch, công bằng cho các hộ được bố trí tái định cư.

7. Sửa đổi khoản 1, khoản 3, điểm b khoản 4 và bổ sung khoản 7 Điều 34:

1. Đối với nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt gắn liền với đất của hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài khi Nhà nước thu hồi đất phải tháo dỡ toàn bộ hoặc một phần (tính cả phần chân động) mà phần còn lại không bảo đảm tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định của pháp luật thì Chủ sở hữu nhà ở, công trình đó được bồi thường bằng giá trị xây dựng mới của nhà ở, công trình có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương theo đơn giá do UBND tỉnh quy định.

Trường hợp, phần còn lại của nhà ở, công trình vẫn bảo đảm tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định của pháp luật thì được hỗ trợ như sau:

a) Đối với nhà ở, công trình bị tháo dỡ một phần mà phần nhà ở, công trình có cùng kết cấu còn lại vẫn tồn tại, sử dụng lại được nguyên trạng sau khi tháo dỡ thì được hỗ trợ chi phí để sửa chữa, hoàn thiện phần còn lại với diện tích tính từ ranh giới nhà ở, công trình tháo dỡ (sau khi đã tính phần chân động) lùi sâu vào thêm 4,0m nhân (x) với 50% đơn giá bồi thường của nhà ở, công trình bị tháo dỡ.

b) Đối với nhà ở, công trình xây dựng bị tháo dỡ một phần mà phần nhà ở, công trình còn lại phải cải tạo, xây dựng lại mới sử dụng được do cấu trúc ảnh hưởng đến mỹ quan và công năng sử dụng (như cầu thang, công trình phụ) thì được hỗ trợ chi phí để sửa chữa, cải tạo lại với diện tích từ ranh giới nhà ở, công trình tháo dỡ (sau khi đã tính phần chấn động) lùi sâu vào thêm 4,0m nhân (x) với 80% đơn giá bồi thường của nhà ở, công trình bị tháo dỡ.

c) Đối với nhà ở, công trình xây dựng bị tháo dỡ một phần, mà phần còn lại được xác định từ ranh giới nhà ở, công trình tháo dỡ (sau khi đã tính phần chấn động) đến tường cuối cùng bằng hoặc nhỏ hơn 3,5 mét thì được bồi thường cho toàn bộ ngôi nhà, công trình đó.

d) Tùy theo kết cấu của mỗi nhà ở, công trình bị tháo dỡ, giao Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng phối hợp với cơ quan chuyên môn cấp huyện, UBND cấp xã, Chủ đầu tư, Chủ sở hữu nhà ở, công trình xác định mức độ ảnh hưởng để lập thành biên bản, đưa vào phương án bồi thường trình cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với các trường hợp quy định tại điểm a, b, c, khoản này.

3. Đối với công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội gắn liền với đất đang sử dụng không thuộc trường hợp quy định tại các khoản 1 và 2, Điều này thì mức bồi thường tính bằng giá trị tháo dỡ, di dời, lắp đặt lại công trình và chi phí thiệt hại do tháo dỡ, di dời theo thực tế phát sinh, trên cơ sở tận dụng tối đa tài sản hiện có thông qua việc di dời. Giá trị tính bồi thường không cao hơn mức giá mua sắm, lắp đặt mới đối với công trình, thiết bị có quy mô, kết cấu tương tự đảm bảo quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành, theo giá thị trường tại thời điểm di dời.

Đối với vật tư, thiết bị không tận dụng lại được trong quá trình di dời thì được hỗ trợ bằng mức giá mua sắm, lắp đặt mới có quy mô, kết cấu tương tự đảm bảo quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành cộng với chi phí tháo dỡ vật tư, thiết bị cũ không tận dụng lại được để giải phóng mặt bằng.

Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng của dự án có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với đơn vị Chủ sở hữu tài sản lựa chọn, ký kết hợp đồng với đơn vị tư vấn có đủ năng lực để khảo sát, lập hồ sơ thiết kế - dự toán di dời công trình, gửi Sở chuyên ngành thẩm định để đưa vào phương án hỗ trợ di dời, GPMB, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt để tiến hành chi trả cho Chủ sở hữu công trình. Chi phí cho việc khảo sát, lập hồ sơ thiết kế và dự toán di dời công trình được tính vào phương án hỗ trợ di dời.

4. Nhà ở, công trình, vật kiến trúc không được phép xây dựng thì tùy theo mức độ, tính chất hợp pháp của đất, của nhà ở và công trình thì được xem xét bồi thường theo quy định sau:

b) Nhà ở, công trình, vật kiến trúc của hộ gia đình, cá nhân được xây dựng trên đất không đủ điều kiện được bồi thường theo quy định của pháp luật về đất đai (kể cả xây dựng trên đất nông nghiệp hợp pháp), mà khi xây dựng vi phạm quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được công bố công khai và cấm mốc hoặc vi phạm hành lang bảo vệ công trình công cộng thì không được bồi thường. Trường hợp đặc biệt, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng chịu trách nhiệm phối hợp với Chủ đầu tư, UBND cấp xã, các cơ quan liên quan

lập thành biên bản và có ý kiến thống nhất của UBND cấp huyện, thì được xem xét bồi thường với mức không quá 60% (sáu mươi phần trăm) quy định tại khoản 1, Điều này.

7. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép sử dụng đất tạm thời (bằng văn bản) hoặc trong quá trình thi công công trình làm ảnh hưởng gây thiệt hại về tài sản là nhà ở, vật kiến trúc và công trình trên đất tại khu vực liền kề thì bồi thường, hỗ trợ tài sản bị ảnh hưởng theo Quy định hiện hành của UBND tỉnh.

Khi công trình hoàn thành thì Chủ đầu tư có trách nhiệm phục hồi lại đất theo hiện trạng ban đầu để hoàn trả. Trường hợp, khi trả lại đất nhưng không thể tiếp tục sử dụng đất theo hiện trạng ban đầu hoặc do điều kiện khách quan nhân dân không thể tiếp tục sử dụng và có yêu cầu thu hồi đất thì Chủ đầu tư phối hợp với Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng và UBND cấp xã lập thành biên bản đề xuất UBND cấp huyện xem xét để thu hồi đất và bồi thường về đất theo quy định này. Kinh phí do Chủ đầu tư chi trả, UBND cấp huyện quyết định thu hồi đất và giao cho UBND cấp xã quản lý.

8. Bổ sung khoản 7 Điều 36:

7. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép sử dụng đất tạm thời (bằng văn bản) hoặc trong quá trình thi công công trình làm ảnh hưởng, gây thiệt hại đối với cây trồng, con vật nuôi thủy sản trên đất tại khu vực liền kề thì bồi thường, hỗ trợ cây trồng, con vật nuôi thủy sản bị ảnh hưởng theo quy định hiện hành của UBND tỉnh. Trường hợp, thời gian xây dựng công trình kéo dài ảnh hưởng đến nhiều vụ sản xuất, thì được bồi thường, hỗ trợ cho các vụ bị ngừng sản xuất tiếp theo cho đến khi hoàn trả lại đất, nhưng mức bồi thường, hỗ trợ trong 01 năm không quá sản lượng thu hoạch bình quân tại địa phương của sản phẩm nông nghiệp đó tính cho 01 năm.

Khi công trình hoàn thành thì Chủ đầu tư có trách nhiệm phục hồi lại đất theo hiện trạng ban đầu để hoàn trả. Trường hợp, khi trả lại đất nhưng không thể tiếp tục sử dụng đất theo hiện trạng ban đầu hoặc do điều kiện khách quan nhân dân không thể tiếp tục sử dụng và có yêu cầu thu hồi đất thì Chủ đầu tư phối hợp với Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng và UBND cấp xã lập thành biên bản đề xuất UBND cấp huyện xem xét để thu hồi đất và bồi thường về đất theo quy định này. Kinh phí do Chủ đầu tư chi trả, UBND cấp huyện quyết định thu hồi đất và giao cho UBND cấp xã quản lý.

9. Bổ sung điểm e, khoản 2 Điều 37

e) Trường hợp có nhiều cặp vợ chồng cùng chung sống trên một thửa đất ở bị thu hồi, nếu đủ điều kiện để tách thành từng hộ gia đình riêng theo quy định của pháp luật về cư trú, có nhà ở riêng trên thửa đất ở bị thu hồi đó mà phải di chuyển đến nơi ở mới thì được hỗ trợ chi phí di chuyển tài sản bằng 80% (tám mươi phần trăm) mức tiền bồi thường quy định tại các điểm a, b và c, Khoản này.

10. Sửa đổi khoản 2 Điều 38:

2. Trường hợp không làm thay đổi mục đích sử dụng đất nhưng làm hạn chế khả năng sử dụng đất thì được bồi thường bằng tiền, mức bồi thường bằng (=) diện tích đất bị hạn chế sử dụng nhân (x) với 30% giá đất cùng mục đích sử dụng.

Đối với những trường hợp cá biệt, đặc thù do mức độ hạn chế khả năng sử dụng đất ảnh hưởng đến mục đích sử dụng đất thì Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng và UBND cấp xã lập thành biên bản đề xuất UBND cấp huyện, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, trình UBND tỉnh xem xét giải quyết.

11. Sửa đổi khoản 5, Điều 44:

5. Đối với trường hợp bồi thường bằng việc giao lại đất ở mới nếu có chênh lệch về giá trị thì phần chênh lệch đó được thanh toán bằng tiền theo quy định sau:

a) Trường hợp tiền bồi thường về đất ở lớn hơn tiền sử dụng đất ở tại khu tái định cư thì người bị thu hồi được nhận phần chênh lệch.

b) Trường hợp tiền bồi thường về đất ở nhỏ hơn tiền sử dụng đất ở tại khu tái định cư thì người bị thu hồi đất phải nộp phần chênh lệch, trừ phần giá trị chênh lệch được hỗ trợ theo quy định tại điểm c khoản này.

c) Riêng đối với hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất ở phải di chuyển chỗ ở thì được hỗ trợ chênh lệch tiền sử dụng đất đối với lô tái định cư thứ nhất nếu giá đất ở bồi thường thấp hơn giá đất ở tái định cư, cụ thể như sau:

Trường hợp diện tích đất ở bị thu hồi lớn hơn diện tích lô đất bố trí tái định cư thì Nhà nước hỗ trợ phần chênh lệch giữa giá đất tái định cư và giá đất bồi thường tương ứng với diện tích lô đất bố trí tái định cư.

Trường hợp diện tích đất ở bị thu hồi nhỏ hơn diện tích lô đất bố trí tái định cư thì Nhà nước hỗ trợ phần chênh lệch giữa giá đất tái định cư và giá đất bồi thường tương ứng với diện tích đất ở bị thu hồi.

d) Trường hợp diện tích đất ở bị thu hồi nhỏ hơn diện tích suất tái định cư tối thiểu và số tiền bồi thường về đất bị thu hồi nhỏ hơn giá trị một suất tái định cư tối thiểu thì được hỗ trợ theo quy định tại khoản 1 Điều 29 và Điều 30 Quy định này.

Trường hợp lô đất tái định cư có diện tích lớn hơn diện tích suất tái định cư tối thiểu thì phần diện tích vượt so với diện tích được hỗ trợ theo suất tái định cư tối thiểu thì hộ gia đình, cá nhân phải nộp tiền vào ngân sách Nhà nước theo giá đất tái định cư.

e) Đối với đất nhà thờ tộc họ đủ điều kiện bồi thường theo quy định tại khoản 6, Điều 13 của Quy định này, mà phải di chuyển đến địa điểm mới thì được hỗ trợ chênh lệch tiền sử dụng đất tại khu tái định cư theo quy định tại điểm c Khoản này.

Điều 3. Xử lý trường hợp chuyển tiếp:

1. Đối với những dự án, hạng mục đã chi trả xong tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và những dự án, hạng mục đã phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư hoặc đang thực hiện chi trả tiền theo phương án đã được phê

duyet trước khi quyết định này có hiệu lực thi hành, thì thực hiện theo phương án đã phê duyệt. Trường hợp chi trả bồi thường, hỗ trợ, tái định cư chậm thì thực hiện theo quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều 93 Luật Đất đai năm 2013.

2. Đối với những trường hợp cá biệt, đặc thù, giao UBND cấp huyện phối hợp với Chủ đầu tư và các Sở, ngành liên quan tổng hợp, báo cáo giải trình gửi Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định, tổng hợp trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 4. Quyết định có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký. Các nội dung khác tại Quyết định số 43/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh không thuộc phạm vi sửa đổi tại Quyết định này vẫn còn hiệu lực thi hành.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở, ngành: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Lao động - Thương binh và Xã hội, Công thương, Giao thông - Vận tải, Tư pháp, Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai, Trưởng Ban Quản lý phát triển đô thị mới Điện Nam - Điện Ngọc, Trưởng Ban Quản lý các Khu công nghiệp Quảng Nam, Cục trưởng Cục Thuế, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước Quảng Nam, Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội Quảng Nam, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố, các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và thủ trưởng cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Website Chính phủ;
- Các Bộ: TC, TN&MT, XD (để biết);
- VPCP (b/c);
- Cục KTVBQPPL -Bộ Tư pháp;
- TTTU, HĐND, UBND tỉnh;
- UBNDTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐB Quốc hội tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- VP Tỉnh ủy, VP Đoàn ĐB Quốc hội và HĐND tỉnh;
- CPVP;
- Trung tâm Tin học và Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, TH, VX, NC, KTN, KTTH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đinh Văn Thu